CTY CP DƯỢC PHẨM TIPHARCO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 334.../TIPHARCO	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:

- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco**

Mã chứng khoán: DTG

Trụ sở chính: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 0273.3871 817 – 0273.3872 973

Fax: 0273.3885040

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Mỹ Tiên

Địa chỉ: 498 Tổ 10B, Khu phố 1, Thái Sanh Hạnh, P.9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: Cơ quan: 0273.3872973, Di động: 0913728988

Fax: 0273.3885040

Loại thông tin công bố:

☐24h ☐ 72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☒Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

Lê Thị Mỹ Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Lô 08, 09 Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh,

Phường 9, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

www. tipharco.com.vn

Chất lượng Toàn diện

Tipharco

Vì sức khỏe cộng đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	14
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	25
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	45
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM	50

THÔNG ĐIỆP CỦA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Năm 2019, GDP Việt Nam tăng 7,02%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7%. Hội nhập tạo ra nhiều thách thức cho các Công ty trong quá trình hoạt động. Xu hướng người dân ngày càng quan tâm nhiều đến việc chăm sóc sức khỏe, tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế và tăng tuổi thọ trung bình, là những nguyên nhân để ngành dược tiếp tục tăng trưởng.

Năm 2019, Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco là một trong những doanh nghiệp dược có chứng nhận danh hiệu Top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc điển hình sáng tạo năm 2019; Cúp danh hiệu "Cánh sếu vàng-hành trình 10 năm một chặng đường 2009-2019". Nhìn lại một năm hoạt động, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất và kinh doanh, nhưng Công ty luôn cố gắng để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị thông qua. Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của Tipharco đã thực sự rất nỗ lực trong công tác thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Về công tác đầu tư, trong năm để mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất Tipharco đã gia tăng đầu tư thêm về máy móc, thiết bị sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng. Hy vọng rằng với những chiến lược hợp lý cùng sự quyết tâm, đồng thuận giữa Lãnh đạo và cán bộ nhân viên, Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco sẽ chinh phục được những cột mốc cao hơn nữa trong quá trình hoạt động của mình.

Kính thưa quý vị

Để tăng trưởng, phát triển bền vững và đảm bảo vị thế của công ty trong ngành, Tipharco đã có những kế hoạch, chiến lược trung và dài hạn. Theo đó, năm 2020, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch tổng doanh thu sản xuất đạt 290 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 8,5 tỷ đồng, qua đó cũng dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm sau là 10%/mệnh giá.

Với bề dày kinh nghiệm hơn 40 năm hình thành và phát triển, ngoài sự cố gắng, nỗ lực và sự sáng suốt, linh hoạt của tập thể Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, người lao động, Tipharco còn nhận được sự hỗ trợ chỉ đạo kịp thời của tỉnh nhà, các Cơ quan Ban ngành trong tỉnh Tiền Giang. Công ty rất biết ơn sự quan tâm của các cổ đông, sự tín nhiệm của người tiêu dùng, sự quan tâm của các cơ quan truyền thông đại chúng đã góp phần nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu của Tipharco trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 1200108557-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

DS. Phạm Quang Bình

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**
Tên giao dịch:	**TIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt:	**TIPHARCO**
Giấy CNĐKDN số:	*1200100557 (Số cũ 5303000050) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu*
Vốn điều lệ:	**63.159.280.000 VNĐ**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	**63.159.280.000 VNĐ**
Địa chỉ:	Lô 08, 09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, P.9, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Số điện thoại:	0273.3871.817 / 0273.3872.973
Số fax:	0273.3883.740
Website:	www.tipharco.com.vn
Email:	tipharco@vnn.vn
Mã cổ phiếu:	**DTG**
Logo công ty:	TIPHARCO

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Công ty được thành lập và có tên là: Công ty Dược phẩm Tiền Giang có chức năng sản xuất, kinh doanh và phân phối thuốc đến các công ty cấp III Huyện, thị trực thuộc.

Năm 1977

Tách sản xuất và kinh doanh, thành lập hai đơn vị là Xí nghiệp Dược Phẩm Tiền Giang có chức năng sản xuất và nuôi trồng dược liệu, và Công ty Dược phẩm cấp II có chức năng phân phối thuốc.

Năm 1983

Sáp nhập Xí nghiệp Dược Phẩm thành Xí nghiệp Liên Hợp Dược Tiền Giang.

Năm 1992

Thành lập doanh nghiệp nhà nước đổi tên là Công ty Dược và Vật tư y tế Tiền Giang.

Năm 2006

Chuyển sang công ty cổ phần đổi tên là Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco.

Năm 2013

Doanh số trúng thầu tăng trưởng mạnh phủ khắp các tỉnh Miền Tây và TP.HCM.

Năm 2014

Trúng thầu vào khối điều trị trên 50 sản phẩm với giá trị trên 102 tỷ đồng, góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch 2014.

Năm 2015

Lập dự án xây dựng nhà máy sản xuất thuốc dược liệu và chính thức khởi công vào ngày 5/3/2016.

Năm 2016

Công ty được sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp nhận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu DTG chính thức được giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 28/02/2017.

Năm 2017 - 2018

Công ty đã xây dựng hoàn thành nhà máy sản xuất thuốc dược liệu và chuẩn bị đưa vào hoạt động khi được cấp phép.

Năm 2019

Nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe của công ty đạt chuẩn GMP

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất dược phẩm và vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất các loại sirô giải khát. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thuốc; các sản phẩm do công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Tỉnh Tiền Giang, TP.HCM, các tỉnh Miền Tây. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng việc củng cố thị trường kinh doanh truyền thống và từng bước đã mở rộng thị trường mới ở các khu vực Miền Đông, Tây Nguyên, Miền Trung và miền Bắc và xuất khẩu. Ngoài ra, thông qua hệ thống các công ty cùng ngành để phát triển bán hàng OTC và đấu thầu, ủy quyền cho đấu thầu vào khối điều trị đạt kết quả cao.

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG

- Cúp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng 2007;
- Cúp vàng Thương Hiệu Việt 2007;
- Cúp vàng chất lượng hội nhập 2007;
- Top 500 Thương hiệu nổi tiếng 2007;
- Cúp vàng Thương hiệu Việt chất lượng hội nhập WTO 2010;
- Cúp vàng Topten thương hiệu Việt ứng dụng Khoa Học – Kỹ Thuật 2011;
- Chứng nhận thương hiệu cạnh tranh của cục sở hữu trí tuệ 2011;
- Cúp vàng sở hữu trí tuệ Việt nam 2011; 2017
- Giải bạc chất lượng Việt Nam 2011, 2012;
- Thương hiệu Việt uy tín 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018
- Được bình chọn: Doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả Đồng bằng Sông Cửu Long;
- Doanh nghiệp tin cậy vì người tiêu dùng năm 2013;
- Sản phẩm Tiphacetam đạt: "Chứng nhận hàng Việt tốt - Dịch vụ hoàn hảo năm 2014"
- Sản phẩm Cefuroxim 500 đạt: " Danh hiệu Ngôi sao Thuốc Việt năm 2014".
- Công ty được Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn và tôn vinh sản phẩm dịch vụ chất lượng hội nhập năm 2017 cho sản phẩm Cefuroxim.
- Công ty được Tạp chí Thương hiệu Việt chứng nhận Tipharco đạt top 100 thương hiệu uy tín lần thứ 13 năm 2017; chứng nhận Cúp Vàng thương hiệu uy tín lần thứ 14 năm 2018
- Tipharco được tuyên dương doanh nghiệp Thương mại hóa thành công sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiêu biểu năm 2017.
- Tipharco được Bộ Công thương chứng nhận doanh nghiệp đạt thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017.
- Tipharco được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công nhận doanh nghiệp tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2017.
- Được Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam trao tặng Huy chương Vàng vì sức khỏe cộng đồng năm 2017; Cúp Vàng vì sức khỏe cộng đồng năm 2018.-
- Được Bộ Công Thương trao giấy chứng nhận Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 (ngày 14/03/2018).
- Được Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam tặng Bằng khen là Doanh nghiệp phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long năm 2018; cúp danh hiệu "Cánh sếu vàng-hành trình 10 năm một chặng đường 2009-2019".
- Chứng nhận danh hiệu Top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc điển hình sáng tạo năm 2019.

Danh hiệu khen thưởng

Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới 2005;

Huân chương lao động hạng 01, 02, 03;

Huân chương độc lập hạng 02, 03;

Huân chương chiến công hạng 02, 03.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

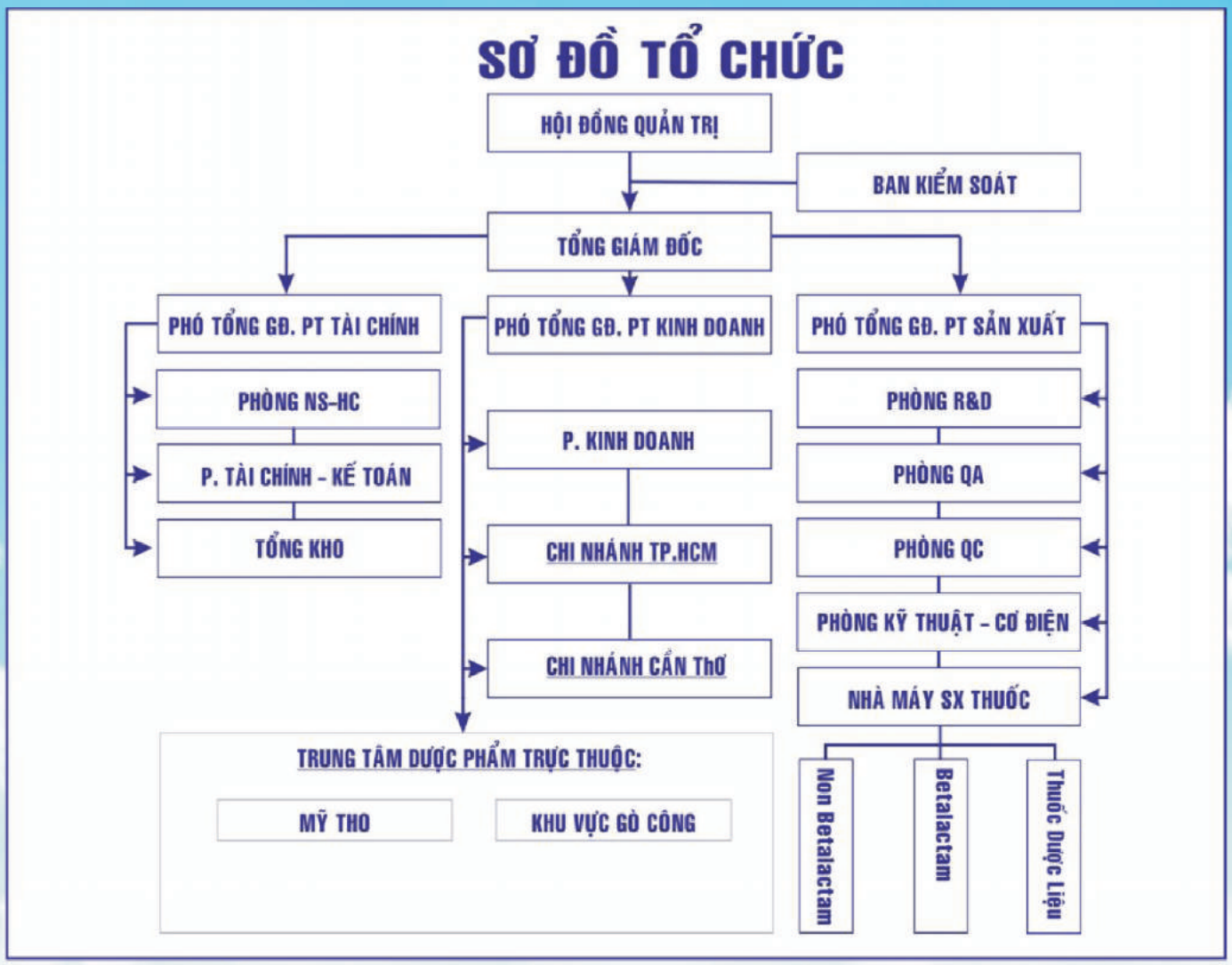

Tipharco hiện có các nhà máy Betalactam, nhà máy Non Betalactam, nhà máy sản xuất thuốc dược liệu đạt chuẩn GMP WHO, Phòng kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP và hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP. Tipharco đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới ở khắp các khu vực trong cả nước. Công ty trực tiếp tham gia đấu thầu hoặc cho các Công ty đấu thầu vào khối điều trị để bán hàng công ty sản xuất, tạo công việc ổn định cho người lao động. Giữ vững uy tín Công ty trên thị trường.

Đa dạng các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sẽ phủ kín thị trường cả nước trước mắt lĩnh vực hàng thầu, tiếp theo là lĩnh vực OTC. Phát triển danh mục sản phẩm dựa theo danh mục thuốc sử dụng cho bệnh viện tập trung nhóm hàng đặc trị có thể thay thế sản phẩm ngoại nhập. Phát triển sản phẩm thuốc dược liệu, thực phẩm chức năng.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội.

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tipharco luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

- **Đối với môi trường**

  Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm sao cho đạt các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, Tipharco cũng tự ý thức về việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý nhằm bảo vệ, phục hồi, giữ cân bằng môi trường sinh thái. Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm tại các nhà máy.

- **Đối với xã hội, cộng đồng**

  Đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn trong tình trạng ổn định, đạt tiêu chuẩn cho các đại lý phân phối và người tiêu dùng;

  Nâng cao tinh thần tương thân, tương ái qua các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam có tốc độ phát triển khá tốt. Bước vào năm 2019, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 7,02% vượt mục tiêu đặt ra ban đầu là 6,8%. Đây là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong xu hướng toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập không ngừng, kinh tế Việt Nam có nhiều thuận lợi và đã đạt được những bước tiến vượt bậc nhưng cũng kèm theo rất nhiều khó khăn và thử thách.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Tipharco không ngoại lệ khi cũng chịu tác động chung bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực phải đối mặt. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, Ban lãnh đạo DTG luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để có các kế hoạch tận dụng cũng như ứng phó nhanh chóng đảm bảo được mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

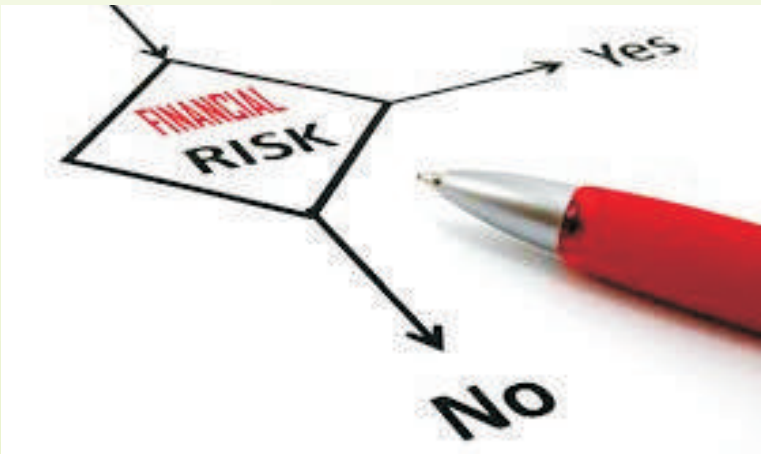

Rủi ro thị trường

Quá trình hội nhập mang lại nhiều yếu tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, tuy nhiên cũng gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp do phải cạnh tranh lẫn nhau. Trong những năm gần đây, do sự góp mặt ngày càng nhiều của các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia cung ứng thuốc đã khiến Tipharco một mặt chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nội địa, mặt khác chịu áp lực rất lớn từ phía các doanh nghiệp nước ngoài ở phân khúc các sản phẩm đặc trị có giá trị cao, đáp ứng đủ danh mục thiết yếu của Bộ y tế. Tâm lý chuộng hàng ngoại cũng ít nhiều gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước như Tipharco trong quá trình hoạt động.

Với những lợi thế về sự am hiểu trong ngành dược, uy tín và các mối quan hệ tốt với đối tác, khách hàng được thiết lập trong suốt quá trình hoạt động, Tipharco đã và đang xây dựng, bồi đắp nên những giá trị bền vững để chuẩn bị sẵn sàng cho mọi hoạt động trong tương lai.

Rủi ro đặc thù ngành

Không những phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ những đối thủ cùng ngành khác, Tipharco còn phải đối mặt với những rủi ro khác có thể xảy ra liên quan đến ngành nghề kinh doanh. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt có liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian, công sức nghiên cứu, phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành dược là khá cao so với các ngành công nghiệp khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp.

Bên cạnh đó, hàng hóa dược phẩm đều có thời hạn sử dụng nhất định, việc dự trữ thuốc để phục vụ cho sản xuất kinh doanh vì thế tiềm ẩn rủi ro có thể sẽ không tiêu thụ được. Việc không tiêu thụ sản phẩm kịp trước khi hết thời hạn gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty, làm lợi nhuận thấp đi, đồng thời tốn kém thêm các chi phí khác như chi phí xử lý, tiêu hủy những loại thuốc không sử dụng được. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp định hướng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý sẽ tránh được những rủi ro này.

Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu

Biến động giá cả nguyên vật liệu tác động trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của công ty. Vì thế, sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của công ty. Thời gian gần đây giá nguyên vật liệu và tá dược đang có sự biến động tạo ra cho Công ty những vấn đề cấp thiết cần xem xét và có biện pháp ứng phó thích hợp. Việc chủ động dự trữ nguồn nguyên liệu dược phẩm chất lượng với giá cả ổn định sẽ giúp ích rất nhiều cho DTG nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo chất lượng sản phẩm và thích ứng với những rủi ro từ những biến động thị trường, giúp DTG đảm bảo hoạt động kinh doanh và bền vững phát triển. Hiện nay, Công ty có những chiến lược cụ thể như ký hợp đồng trước với các nhà cung ứng để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu chất lượng với giá cả đầu vào hợp lý.

Mặt khác, do nguồn nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất tại Công ty chủ yếu được nhập khẩu chính vì thế những biến động của tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của nguồn nguyên liệu. Trước tình hình này, việc dự trữ nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất và giá thành là rất cần thiết, đòi hỏi Công ty phải tính toán hợp lý và có những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong khâu dự trữ.

Rủi ro pháp lý

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động... Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật đã thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra và để phù hợp với sự phát triển tất yếu theo thời gian. Việc thay đổi về chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, để hạn chế rủi ro pháp lý, Tipharco luôn cập nhật và linh hoạt nắm bắt các quy định mới để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi rủi ro xảy ra.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu rủi ro khác như chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban điều hành công ty
- Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Quang Bình	Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Thị Tám	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc
4	Đặng Thị Xuân Quyên	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Thị Mỹ Tiên	Kế toán Trưởng

ÔNG PHẠM QUANG BÌNH – CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 06/06/1954
- Nơi sinh : Bình Định
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 156.990 cổ phiếu – 2,49% VĐL
- Khen thưởng : Huân chương lao động hạng 3
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1973 – năm 1979 : Học tại Trường Đại học Y Dược Tp.HCM
  - Từ tháng 05/1980 – tháng 11/1980 : Kỹ thuật viên phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ tháng 12/1980 – tháng 12/1989 : Trưởng phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ tháng 01/1990 – tháng 03/1993 : Phó quản đốc xưởng Sản xuất trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ tháng 04/1993 – tháng 09/1999 : Phó phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ tháng 09/1999 – tháng 05/2010 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ tháng 06/2010 – tháng 03/2011 : Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ tháng 04/2011 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ TRẦN THỊ TÁM – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 11/04/1965
- Nơi sinh : Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học chuyên khoa 1
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 162.704 cổ phiếu – 2,58% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1988 – năm 1991 : Làm việc tại Phòng Y Tế - Châu Thành - Tiền Giang
  - Từ năm 1991 – năm 1994 : Phó Chủ nhiệm Hiệu thuốc Châu Thành
  - Từ năm 1994 – năm 2003 : Trưởng Trung Tâm Dược phẩm Châu Thành
  - Từ năm 2003 – năm 2004 : Phó Phòng kế hoạch CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ năm 2004 – tháng 06/2010 : Trưởng Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ tháng 06/2010 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2011 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG LÊ VĂN CHÂU – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 10/01/1955
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 6.449 cổ phiếu – 0,1% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1974 – năm 1975 : Học viên Trường Dược Tá của Ty Y Tế Tỉnh Mỹ Tho
  - Từ năm 1975 – năm 1976 : Nhân viên phòng bào chế Ty Y Tế Tỉnh Mỹ Tho
  - Từ năm 1976 – năm 1979 : Nhân viên Sản xuất của Xí nghiệp Dược phẩm Tiền Giang
  - Từ năm 1979 – năm 1981 : Học viên Trường Bổ Túc Văn Hóa cấp II – III tỉnh Tiền Giang
  - Từ năm 1981 – năm 1983 : Học viên Trường Tài chính – Kế toán IV Tp.HCM
  - Từ năm 1983 – năm 2003 : Phó Phòng kế toán CT Dược & VTYT Tiền Giang
  - Từ năm 2003 – năm 2006 : Kế toán trưởng CT Dược & VTYT Tiền Giang
  - Từ năm 2006 – năm 2008 : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2008 – năm 2011 : Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2011 – năm 2015 : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2016 – 17/03/2020 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 19/02/1978
- Nơi sinh : Mỹ Tho - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 42.704 cổ phiếu – 0,68% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ 09/03/2002 – 24/05/2003 : Nhân viên Xưởng Nonbetalactam CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ 25/05/2003 – 31/10/2004 : Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ 01/11/2004 – 31/07/2005 : Phó Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ 01/08/2005 – 15/04/2013 : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng (QA) CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 15/04/2013 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ LÊ THỊ MỸ TIÊN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày tháng năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Chợ Gạo - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 18.838 cổ phiếu – 0,30% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1999 – năm 2003 : Nhân viên kế toán CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
  - Từ năm 2003 – năm 2012 : Phó Phòng kế toán CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2012 – nay : Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Quang Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Thị Tám	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Trung Nghĩa	Thành viên HĐQT
4	Huỳnh Thị Nguyên Thủy	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Văn Tám	Thành viên HĐQT

*Sơ yếu lý lịch **Ông Phạm Quang Bình** và **Bà Trần Thị Tám** vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành Công ty.*

ÔNG PHẠM TRUNG NGHĨA – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1952
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Hóa Sinh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : TV HĐQT CTCP Dược phẩm TW25;
  Chủ tịch HĐTV CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á;
  Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 457.203 cổ phiếu – 7,24% VĐL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.449.501 cổ phiếu – 22,95% VĐL – Đại diện vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1994 – nay : Chủ tịch HĐTV CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
  - Từ năm 2001 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25
  - Từ năm 2006 – 2016 : Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Euvipharm - TV Tập đoàn Valeant
  - Từ năm 2006 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng

BÀ HUỲNH THỊ NGUYÊN THỦY – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 08/11/1974
- Nơi sinh : Kon Tum
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ Tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.541.451 cổ phiếu – 24,41% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1993 – năm 1998 : Học tại Đại học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh – Khoa Dược
  - Từ năm 1999 – năm 2003 : Làm việc tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kon Tum – Khoa Dược
  - Từ năm 2004 – năm 2006 : Làm việc tại CTCP Dược TW Medipharco Tenamyd – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
  - Từ năm 2007 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
  - Từ năm 2012 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG NGUYỄN VĂN TÁM – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 15/07/1964
- Nơi sinh : Long An
- Trình độ chuyên môn : Cao Đẳng Marketing
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.792.930 cổ phiếu – 28,39% VĐL – Đại diện phần vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1995 – năm 2000 : Nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm Long An
  - Từ năm 2001 – năm 2005 : Phụ trách cửa hàng giới thiệu sản phẩm Xí nghiệp Dược phẩm MeBiPhar
  - Từ năm 2005 – nay : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
  - Từ năm 2006 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Dương Thị Thúy Liễu	Trưởng BKS
2	Trần Thị Thu Vân	Thành viên
3	Trần Hoàng Quân	Thành viên

Cơ cấu Ban Kiểm soát

BÀ DƯƠNG THỊ THÚY LIỄU – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1986
- Nơi sinh : Châu Thành - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế Toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 585 cổ phiếu – 0,01% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ tháng 10/2004 – tháng 10/2007 : Học tại Trường Đại học Tiền Giang
  - Từ tháng 11/2007 – tháng 10/2008 : Kế toán tổng hợp tại CTCP Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Hoàng Hưng
  - Từ 01/08/2009 – 24/03/2011 : Nhân viên kế toán tại Trung tâm Dược phẩm Mỹ Tho thuộc CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 25/03/2011 – nay : Trưởng BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ TRẦN THỊ THU VÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1982
- Nơi sinh : Mỹ Tho – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Trung học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 702 cổ phiếu – 0,01% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1998 – năm 2000 : Học tại Trường THPT Tân Mỹ Chánh
  - Từ năm 2001 – năm 2003 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
  - Từ 25/09/2003 – 30/11/2015 : Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 01/12/2015 – nay : Tổ trưởng Tổ vật tư thuộc Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 25/03/2011 – nay : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG TRẦN HOÀNG QUÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 25/07/1979
- Nơi sinh : Châu Thành – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 11.700 cổ phiếu – 0,19% VĐL
- *Quá trình công tác*
  - Từ năm 1998 – năm 2001 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
  - Từ 26/07/2001 – 16/09/2007 : Nhân viên bán hàng Tại Trung tâm mua bán thuốc Châu Thành, Tiền Giang
  - Từ 17/09/2007 – 30/08/2011 : Học Dược sĩ Đại học
  - Từ 01/09/2011 – 28/02/2012 : Nhân viên sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 01/03/2012 – 14/04/2013 : Kỹ thuật viên Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 15/04/2013 – 31/03/2014 : Phó Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ 01/04/2014 – nay : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
  - Từ năm 2012 – nay : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco không có sự thay đổi trong Ban Điều hành.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

❖ **Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

STT	Tính chất phân loại	Năm 2019	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**325**	**100%**
1	Trên Đại học	4	1,23%
2	Đại học, cao đẳng	103	31,69%
3	Trung cấp	180	55,38%
4	Công nhân kỹ thuật	17	5,23%
5	Lao động phổ thông	21	6,47%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**325**	**100%**
1	Hợp đồng không thời hạn	223	68,62%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	102	31,38%

❖ **Mức lương bình quân của 3 năm gần đây**

- Năm 2017: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Năm 2018: 8.506.000 đồng/người/tháng
- Năm 2019: 7.216.000 đồng/người/tháng

❖ Các chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Tất cả lao động ở Công ty đều làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Giờ làm việc tại Công ty là 08h/ngày, tùy theo công việc của từng bộ phận, Công ty bố trí làm việc theo ca. Các bộ phận sẽ được chấm công thêm giờ nếu cần làm thêm giờ theo yêu cầu công việc.

Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động, chủ động có những kế hoạch, chính sách tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để tuyển được nhân sự đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty, đảm bảo yêu cầu về trình độ, năng lực, kiến thức chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động, muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Thực hiện nghiêm túc các bước tuyển dụng với sự tham gia phỏng vấn của lãnh đạo đơn vị, phòng nhân sự hành chánh. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đào tạo

Thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức mới, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự tin trong công việc.

Công tác đảm bảo an toàn lao động

Huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động và dụng cụ phòng chống cháy nổ đầy đủ.

Công tác chăm sóc sức khỏe

Tổ chức khám bệnh tổng quát cho nhân viên công ty và bồi dưỡng độc hại cho các bộ phận làm việc trong môi trường độc hại.

Về chính sách lương thưởng phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương phù hợp và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tipharco
Chất lượng Toàn diện
Vì sức khỏe cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH/KH 2019 (%)	TH2019/TH 2018 (%)
Tổng doanh thu	281.772	300.000	292.717	97,57	103,88
Doanh thu hoạt động sản xuất	*242.842*	*270.000*	*257.506*	*95,37*	*106,04*
Lợi nhuận trước thuế	14.028	15.500	8.309	53,61	59,23
Lợi nhuận sau thuế	12.239	12.400	6.514	52,53	53,22

Trong năm 2019, tình hình kinh tế trong nước gặp một số khó khăn đối với doanh nghiệp, nguồn nguyên liệu không ổn định, khó mua hoặc mua không có do nguồn nhập khẩu, tỷ giá ngoại tệ biến động thường xuyên, tình hình cạnh tranh giá cả trên thị trường, trong đấu thầu cung ứng cho khối điều trị ... làm cho công ty gặp một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tình hình giá cả nguyên vật liệu, bao bì ngày càng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh của công ty.

Với sự quyết tâm và thống nhất từ HĐQT, Ban điều hành, toàn thể người lao động, công ty đã phấn đấu vượt qua những khó khăn. Tổng doanh thu đạt 292,72 tỷ đồng, đạt 97,57% kế hoạch đặt ra, trong đó doanh thu hoạt động sản xuất đạt 257,51 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 8,31 tỷ đồng, đạt 53,61% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của công ty 6,51 tỷ đồng, đạt 52,53% so với kế hoạch. Trong năm qua, công ty cũng tham gia đấu thầu vào khối điều trị trong, ngoài tỉnh, ủy quyền cho đấu thầu hàng công ty sản xuất và trúng thầu vào khối điều trị các sản phẩm do Tipharco sản xuất.

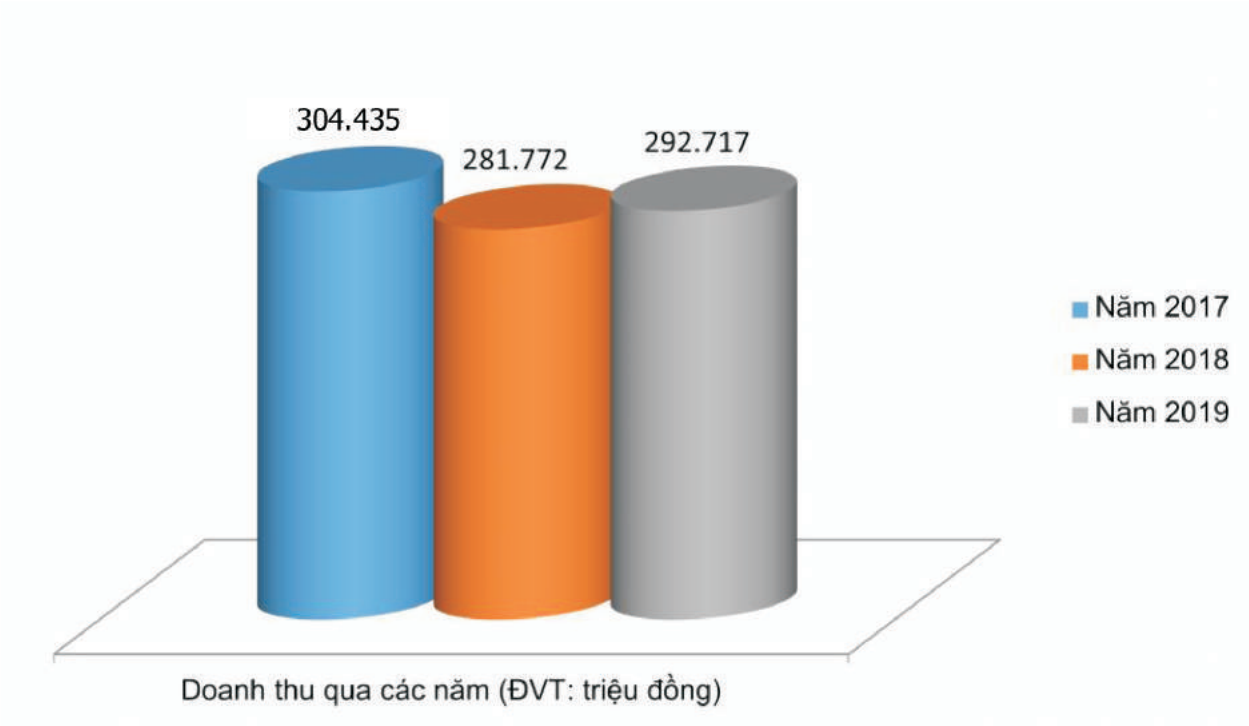

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tình hình Nhà máy sản xuất thuốc dược liệu

Nhà máy sản xuất thuốc dược liệu đã đi vào hoạt động, một số sản phẩm đã được cấp số đăng ký và đã triển khai đưa vào sản xuất.

Công ty đang tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm thuốc dược liệu và sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe để tận dụng công suất của nhà máy.

Về đầu tư phát triển

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng sản phẩm trong kinh doanh, công ty đã đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, công ty còn đầu tư nghiên cứu đề tài về sản phẩm dược liệu, tiếp tục đầu tư kinh phí thử tương đương sinh học cho các sản phẩm mới.

Vốn đầu tư bằng nguồn vốn tự có, vốn vay ngân hàng.

...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% Tăng giảm
Tổng tài sản	264.216.467.086	278.484.366.052	*5,40*
Doanh thu thuần	278.054.224.916	291.924.855.056	*4,99*
Giá vốn hàng bán	209.702.605.734	232.807.619.891	*11,02*
Lợi nhuận từ HĐKD	12.191.237.137	7.031.459.379	*-42,32*
Thu nhập khác	2.007.592.339	1.365.839.943	*-31,97*
Lợi nhuận trước thuế	14.028.138.473	8.308.636.671	*-40,77*
Lợi nhuận sau thuế	12.238.814.817	6.514.454.685	*-46,77*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,34	1,30
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,77%	55,96%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	126,12%	127,05%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,14	2,87
Vòng quay tài sản	Vòng	1,03	1,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,4%	2,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	10,47%	5,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,63%	2,34%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,38%	2,41%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 6.315.928 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.315.928 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/08/2019

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	**Cổ đông trong nước**	**297**	**6.310.546**	**99,91%**
	Tổ chức	*02*	*3.242.431*	*51,34%*
	Cá nhân	*295*	*3.068.115*	*48,57%*
II	**Cổ đông nước ngoài**	**3**	**5.382**	**0,09%**
	Tổ chức	*0*		
	Cá nhân	*3*	*5.382*	*0,09%*
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	
	Tổng cộng	**300**	**6.315.928**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 22/08/2019

STT	Tên	Số lượng cổ phần	Giá trị(đồng)	Tỷ lệ(%)
1	Huỳnh Thị Nguyên Thủy	1.541.451	15.414.510.000	24,41%
2	Phạm Trung Nghĩa	457.203	4.572.030.000	7,24%
3	Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	1.449.501	14.495.010.000	22,95%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	1.792.930	17.929.300.000	28,39%
Tổng cộng		**5.241.085**	**52.410.850.000**	**82,98%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo Công văn số 4635/UBCK-QLCB ngày 01/08/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco phát hành 917.678 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.

Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu là 9,18 tỷ đồng qua đó nâng mức vốn điều lệ của Công ty tăng từ 53,98 tỷ đồng lên 63,16 tỷ đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH/KH 2019(%)	TH 2019/TH 2018 (%)
Tổng doanh thu	281.772	300.000	292.717	97,57	103,88
Doanh thu hoạt động sản xuất	*242.842*	*270.000*	*257.506*	*95,37*	*106,04*
Lợi nhuận trước thuế	14.028	15.500	8.309	53,61	59,23
Lợi nhuận sau thuế	12.239	12.400	6.514	52,53	53,22
Thu nhập bình quân của NLĐ	8,51	8,9	7,2		
Tỷ lệ cổ tức trên VĐL	17%	10% (*)			
(*) Đây là mức cổ tức sẽ chi trong năm 2020					

Năm qua, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, chi phí tăng cao, giá cả cạnh tranh nhiều nhưng với sự quyết tâm, phấn đấu của toàn thể CBNV công ty và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công ty đã luôn cố gắng để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty đề ra, duy trì sự phát triển cho hoạt động của công ty.

01 *Về kinh doanh*

Củng cố thị trường trong tỉnh và đã mở rộng thị trường các khu vực Miền Tây, Miền Đông, Tây Nguyên, Miền Trung, Hà Nội và các tỉnh lân cận thông qua hệ thống các công ty cùng ngành để phát triển và ủy quyền đấu thầu vào khối điều trị.

Các hoạt động kinh doanh được củng cố, xây dựng đội ngũ bán hàng, tiếp thị ngày càng hoàn thiện hơn, chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng thiết thực hơn và được khách hàng đồng hành, gắn bó với sản phẩm của công ty.

Luôn cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, xây dựng hệ thống bán buôn, bán lẻ đạt tiêu chuẩn GDP, GPP theo quy định của Ngành y tế.

Củng cố chi nhánh để nâng cao phục vụ khách hàng, cung ứng sản phẩm công ty sản xuất đến khối điều trị và người tiêu dùng.

03 *Về hệ thống quản lý chất lượng*

Công ty không ngừng cải tiến nâng cao về mặt quản lý chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, tuân thủ nghiêm ngặt quy định GMP-WHO, GLP, GSP; trong phân phối thực hiện GDP, GPP theo quy định của Ngành y tế.

02 *Về sản xuất*

Sắp xếp, bố trí, cơ cấu các bộ phận sản xuất phù hợp và có hiệu quả, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, bao bì, điện, nước, các chi phí khác,...để giảm giá thành sản phẩm.

Tăng cường việc cải tiến mẫu mã, quy trình sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp tục đầu tư kinh phí thử tương đương sinh học các sản phẩm chủ lực, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến hơn, công suất cao.

Tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới đặc trị có nguồn gốc từ dược liệu trong nước; nghiên cứu các dạng sản phẩm dược liệu từ các nước tiên tiến để áp dụng trong nước nhằm nâng cao năng lực sản xuất, phục vụ nhà máy sản xuất dược liệu và giảm giá thành sản phẩm.

Nhà máy sản xuất dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP WHO đã đưa vào hoạt động. Công ty đang liên kết với các cơ sở, trường đại học, viện nghiên cứu, các cá nhân có kinh nghiệm để nghiên cứu nuôi trồng, chiết xuất các dạng dược liệu trong nước để phục vụ cho nhà máy sản xuất.

04

Về nhân sự, tiền lương

Công ty luôn xem con người là tài sản quý, vì vậy công tác quản trị nhân sự luôn được chú trọng, công ty tập trung đầu tư, tạo mọi điều kiện, môi trường làm việc để phát huy tốt năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân người lao động, sắp xếp bố trí đúng, phù hợp năng lực của cá nhân để nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và một số lĩnh vực khác.

Công ty từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động qua hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh để giữ và thu hút cán bộ, người lao động có năng lực cống hiến cho sự phát triển dài lâu của công ty.

05

Về lĩnh vực xây dựng thương hiệu

Công ty xây dựng thương hiệu thông qua việc phối hợp với Tạp chí Thương Hiệu Việt.

Năm 2019, Công ty đạt được các danh hiệu: Chứng nhận danh hiệu top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc điển hình sáng tạo năm 2019, Cúp danh hiệu "Cánh sếu vàng – hành trình 10 năm một chặng đường 2009-2019", Chứng nhận quyền sử dụng dấu hiệu sản phẩm dịch vụ chất lượng uy tín hội nhập năm 2019, Bằng khen của Liên đoàn Lao động Tỉnh Tiền Giang về đạt giải ba toàn diện Hội thi An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ lần thứ 19 năm 2019,... Tiếp tục duy trì danh hiệu doanh nghiệp khoa học công nghệ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018
Tài sản	**264.216.467.086**	**278.484.366.052**	**105,40%**
Tài sản ngắn hạn	141.447.290.964	158.351.203.326	111,95%
Tài sản dài hạn	122.769.176.122	120.133.162.726	97,85%
Nguồn vốn	**264.216.467.086**	**278.484.366.052**	**105,40%**
Nợ ngắn hạn	105.237.716.207	121.755.753.188	115,70%
Nợ dài hạn	42.128.522.124	34.073.587.374	80,88%
Vốn chủ sở hữu	116.850.228.755	122.655.025.490	104,97%

Tài sản:

Tài sản dài hạn năm 2019, đạt 120,1 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu. Năm vừa qua, công ty có tăng cường đầu tư thêm máy móc, thiết bị. Tổng tài sản của Tipharco năm 2019 là 278,5 tỷ đồng.

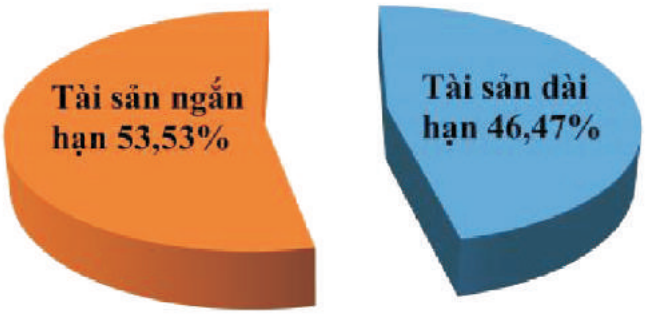

Cơ cấu tài sản năm 2018

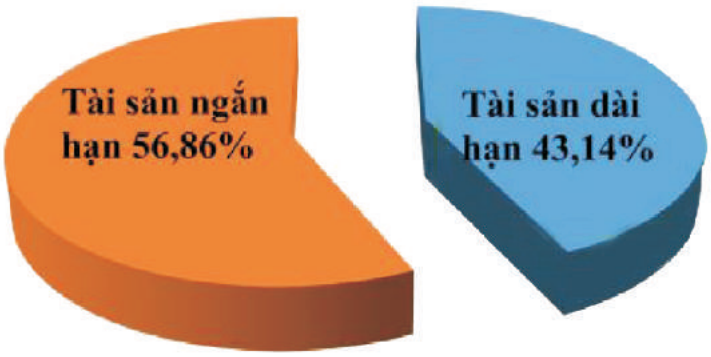

Cơ cấu tài sản năm 2019

Về nguồn vốn:

Nợ ngắn hạn ở mức 121,8 tỷ đồng, tương ứng tăng 15,70%. Bên cạnh đó, nợ dài hạn giảm đáng kể khi đã giảm đến 19,12% so với năm trước, ở mức 34,1 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu năm qua đã có sự gia tăng 4,97%, đạt mức 122,7 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

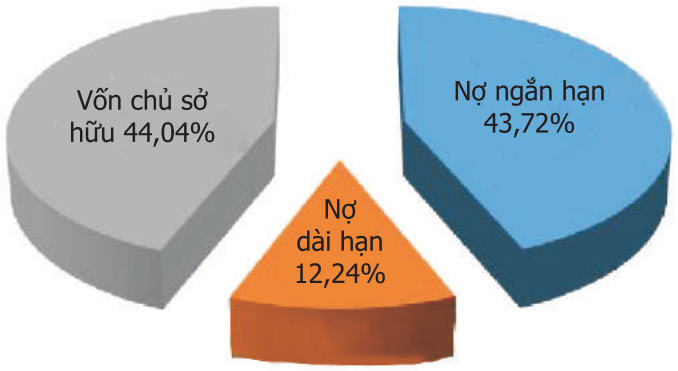

Cơ cấu nguồn vốn năm 2019

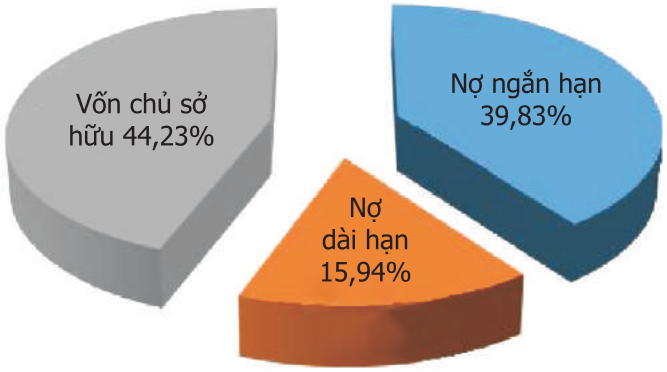

Cơ cấu nguồn vốn năm 2018

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm vừa qua, Công ty tiếp tục hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý đã được đề ra. Công ty sẽ xem xét và cân nhắc cải tiến khi cần thiết để có thể duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và khoa học.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Các chi tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
Doanh thu sản xuất	*Triệu đồng*	257.506	290.000	112,62
Các khoản nộp NSNN	Triệu đồng	4.102	Thực hiện theo Luật	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.309	8.500	102,29
Thu nhập bình quân của NLĐ	Nghìn đồng	7.216	7.500	103,94
Trả cổ tức	%/VĐL	10%	10%	100,00

Năm 2020 được dự đoán gặp nhiều khó khăn với chi phí đầu vào gia tăng, nguyên vật liệu khan hiếm, giá cả không ổn định, giá bán bị cạnh tranh nhiều,... cùng với nhiều tác động từ tình hình trong nước và trên Thế Giới nên việc thực hiện doanh thu và lợi nhuận năm 2020 có thể gặp nhiều khó khăn. Nhưng với sự phấn đấu, quyết tâm của toàn thể người lao động, với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự điều hành quản lý của Ban Tổng Giám đốc công ty sẽ phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Với kế hoạch trên, công ty phấn đấu doanh thu hàng công ty sản xuất đạt 290 tỷ đồng; nhóm hàng ngoại, nội khác không tính vào kế hoạch doanh thu; lợi nhuận phấn đấu đạt 8,5 tỷ đồng; các khoản nộp ngân sách thực hiện theo Luật thuế, thu nhập bình quân người lao động phấn đấu đạt 7,5 triệu đồng/người/tháng.

- **CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY TRONG THỜI GIAN TỚI NHƯ SAU:**

✓ Tập trung phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển để phục vụ lâu dài cho công ty.

✓ Mở rộng và phát triển mạng lưới giao dịch phân phối, duy trì các Trung tâm dược phẩm, nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GDP, GPP theo đúng quy định.

✓ Củng cố, nâng cao mạng lưới tiếp thị để thực hiện các hoạt động Marketing; chăm sóc khách hàng, quảng bá nhóm sản phẩm mới, củng cố và tăng trưởng nhóm sản phẩm chủ lực.

✓ Giới thiệu sản phẩm công ty sản xuất phủ khắp các tỉnh Miền Tây; tiếp thị đến hầu hết nhà thuốc, đại lý trong khu vực.

✓ Có chính sách phù hợp, hấp dẫn cho các cộng tác viên các tỉnh Miền Đông, Miền Trung, khuyến khích giới thiệu sản phẩm công ty sản xuất; chủ yếu thu tiền trước hoặc ký quỹ để hạn chế rủi ro về công nợ.

✓ Quản lý chặt về chi phí, nâng cao ý thức tiết kiệm trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm thiểu chi phí đầu vào; sắp xếp, cải tiến hợp lý trong dây chuyền sản xuất để tăng năng suất lao động.

✓ Không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng, mẫu mã, nhóm sản phẩm phục vụ khối điều trị và thị trường.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2019 của CTCP Dược phẩm Tipharco, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

Tipharco

Chất lượng Toàn diện

Vì sức khỏe cộng đồng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm qua, Hội Đồng Quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc để định hướng trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị cũng thường xuyên theo sát nhằm phân tích đánh giá, dự báo, tình hình triển khai, kế hoạch đầu tư kinh doanh từng quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý đối với những vấn đề quan trọng.

Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của Tipharco đã thực sự rất nỗ lực. Sản phẩm của Công ty sản xuất tiếp tục được thị trường tin tưởng đồng hành qua đó giúp sản lượng tiêu thụ thành phẩm của Tipharco luôn đạt mức tốt.

Tình hình tài chính tại Công ty được đánh giá là ổn định, dòng tiền vẫn đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm để nâng cao năng lực sản xuất Tipharco có gia tăng đầu tư thêm về máy móc, thiết bị sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty đã đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất thuốc dược liệu. Các công tác thực hiện Công bố thông tin được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc luôn theo sát tình hình và bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra để thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị thấy rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT và ĐHĐCĐ ban hành. Nhờ đó hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm được duy trì ổn định, người lao động được đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định. HĐQT cho rằng Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn thể CBCNV để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động năm 2019, HĐQT xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng cụ thể cho hoạt động năm 2020:

- ✓ Tập trung công tác quản trị, giám sát và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành để thực hiện đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính năm 2019.
- ✓ Tùy điều kiện sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ hàng quý để thảo luận, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời, qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành, HĐQT sẽ có ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✓ Ngoài ra, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của mình.
- ✓ Xem xét các chính sách cho một số công ty có tiềm năng bao tiêu một số sản phẩm sản xuất để tiêu thụ với số lượng lớn trên thị trường cả nước; có ràng buộc về sản lượng, thanh toán để ổn định cho sản xuất; hạn chế rủi ro về công nợ; chênh lệch giá cả thị trường.
- ✓ Xây dựng các chính sách để thu hút các đơn vị đặt hàng sản xuất sản phẩm thực phẩm bổ sung, thuốc dược liệu.
- ✓ Về hàng thầu, ủy quyền đấu thầu Công ty sẽ cân đối giá theo thời điểm cho phù hợp.
- ✓ Áp dụng chính sách theo danh mục mặt hàng; chủ yếu thanh toán trước khi nhận hàng.
- ✓ Về đầu tư phát triển, công ty dự kiến đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị thiết yếu để phục vụ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- ✓ Về nuôi trồng dược liệu công ty sẽ nghiên cứu phối hợp với các cơ quan chức năng để đầu tư hoặc thu mua và sẽ báo cáo chủ trương với HĐQT.

Tipharco

Chất lượng Toàn diện

Vì sức khỏe cộng đồng

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

291,9

TỶ ĐỒNG DOANH THU THUẦN

6,5

TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco hoạt động với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Tiền Giang và cả nước.

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, Công ty luôn hoàn thành tốt các kế hoạch, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng lòng cùng nhau hoạt động vì mục tiêu kinh tế chung đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, đem lại lợi ích kinh tế cho cổ đông, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước .

4,102

TỶ ĐỒNG

TỔNG KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

7,216 TRIỆU

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG 2019

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

Giấy và các loại văn phòng phẩm khác nhau tại khu vực văn phòng không có khả năng tái sử dụng được thu gom riêng để đơn vị xử lý rác thải dễ dàng phân loại.

Các bao bì, hộp, vỉ thuốc hay các dụng cụ y tế sau khi đã sử dụng được công ty liên kết với những nơi chứa rác thải phân loại rác và có những biện pháp tái chế thích hợp để bảo vệ môi trường cũng như tiết kiệm nguồn tài nguyên.

Công ty có kế hoạch là sẽ tiến hành phân loại rác ngay từ đầu. Tuyên truyền, phổ biến các biện pháp đến nhà phân phối và các đại lý như đặt các poster tại các đại lý thuốc tây hay tuyên truyền rộng rãi cho cộng đồng bằng nhiều phương pháp.

Tiết kiệm điện, nước

Tuyên truyền vận động toàn thể người lao động trong Công ty có ý thức về việc sử dụng tiết kiệm điện và nguồn nước, điều này vừa góp phần vào công tác thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, vừa tiết kiệm được chi phí hoạt động cho doanh nghiệp.

Cuối cùng khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Tipharco luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia. Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của máy móc thiết bị tại các dây chuyền sản xuất thuốc của công ty đã hiện đại hóa hầu hết các máy nên tác động do tiếng ồn đã giảm đáng kể. Do đó tiếng ồn cũng không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Dự kiến trong năm tới, công ty sẽ tăng cường bảo trì thiết bị, thiết lập thêm các bộ phận giảm âm, chóng rung.

Các chính sách phòng chống ô nhiễm, rủi ro môi trường

- Nhận diện các rủi ro về an toàn môi trường có thể xảy ra bất cứ khi nào nên công ty đưa các biện pháp ứng phó và chương trình đào tạo. Cụ thể trong năm, công ty đã thực hiện kết hợp với PCCC và tự diễn tập về các tình huống khẩn cấp.
- Tiến hành kiểm định môi trường trong khu sản xuất 4 lần/ năm và đo lường chất lượng nước thải với tần suất 3 tháng/ lần để có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo môi trường sạch đẹp.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Toàn bộ rác thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn của công ty đều đạt yêu cầu về kiểm tra của các cơ quan môi trường có liên quan.

Đối với người lao động, đối tác, xã hội và cộng đồng

Đối với người lao động

Tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi pháp luật qui định. Trong năm 2019, Tipharco có những chương trình đào tạo kĩ năng quản lý, quản trị bản thân, văn hóa sống có trách nhiệm. Đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của công ty đã được trang bị những hành trang quí báu trong việc phát triển bản thân, cải thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động trong công cuộc phát triển bền vững.

Mức lương trung bình của công ty trong năm qua là 7,2 triệu đồng/tháng tùy vào năng lực làm việc và sự cống hiến đối với kết quả hoạt động của Công ty. Trong năm, công ty có tổ chức các hội thi để tạo tâm lý thoải mái, gắn kết nhân viên với nhau trong công ty. Bên cạnh đó, vấn đề liên quan đến sức khỏe của người lao động cũng được công ty đặt lên hàng đầu, toàn bộ nhân viên và người lao động trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kì.

Về mặt phát triển nguồn nhân lực, hàng năm công ty vẫn xây dựng kế hoạch nhân sự, không ngừng tìm kiếm và chiêu mộ những lao động có tay nghề và trình độ trong lĩnh vực công ty đang hoạt động nhằm bổ sung, phát triển kịp thời nhu cầu nhân sự cho việc thực hiện các định hướng, chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị, hơn thế nữa là tạo nhiều cơ hội để Tipharco có thể tìm kiếm được nguồn nhân lực kế cận cho tương lai.

Đối với các đối tác

Công ty luôn trân trọng niềm tin mà các Đối tác và Người tiêu dùng đã gửi gắm khi Quý vị luôn tin tưởng và ủng hộ các sản phẩm được Tipharco sản xuất. Sức khỏe và sự an toàn của sản phẩm là vấn đề cốt yếu mà Công ty luôn hướng đến trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm, Công ty luôn quan tâm đầu tư thêm các máy móc thiết bị, công ty đang nỗ lực để có thể đưa ra thị trường nhiều hơn nữa những sản phẩm có giá trị và công dụng tốt, qua đó đồng hành cùng các đại lý trong quá trình tiêu thụ sản phẩm với các chính sách bán hàng công bằng, phù hợp đối với sự tin tưởng ủng hộ dành cho sản phẩm của Tipharco.

Đối với cộng đồng

Trong những năm qua, công ty đã tham gia rất nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực, chung tay cùng tỉnh nhà và các tổ chức khác giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ quyên góp tiền cho người nghèo ở địa phương, xây dựng nhà tình nghĩa, ... Ủng hộ kinh phí khám và chữa bệnh cho người nghèo ở miền nông thôn. Tham gia các chương trình từ thiện hỗ trợ phần nào về vật chất lẫn tinh thần cho bà con, những người nghèo, người có hoàn cảnh neo đơn một phần nào đó có thể đón tết một cách đầy đủ, trọn vẹn niềm vui.

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 16 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại: 0273 3 871 817
- Fax: 0273 3 885 040

Hoạt động chính của Công ty: sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công.

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tám	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tám	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dương Thị Thúy Liễu	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Tám	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Xuân Quyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2020)

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
TP MỸ THO - T. TIỀN GIANG

PHẠM QUANG BÌNH
Chủ tịch
Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 069/2020/BCKT-CT.00007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 5 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

PKF - AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member or correspondent firm or firms.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại mục 9.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty trình bày lại khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Công ty xác định lại chỉ tiêu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	**NGUYỄN THỊ THANH MINH**
Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**158.351.203.326**	**141.447.290.964**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**9.577.659.879**	**14.909.674.945**
Tiền	111		9.577.659.879	14.909.674.945
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**60.862.230.733**	**46.189.522.087**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	59.429.869.844	44.596.197.059
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.264.941.451	1.471.422.499
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	507.911.758	573.282.088
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(340.492.320)	(451.379.559)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	**140**	5.6	**87.285.935.805**	**74.973.763.710**
Hàng tồn kho	141		87.285.935.805	74.973.763.710
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**625.376.909**	**5.374.330.222**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		625.376.909	5.374.330.222
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**120.133.162.726**	**122.769.176.122**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	**220**		**110.651.525.371**	**114.974.079.850**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	109.075.516.471	113.398.070.950
Nguyên giá	222		166.130.076.209	160.671.339.369
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.054.559.738)	(47.273.268.419)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.576.008.900	1.576.008.900
Nguyên giá	228		1.576.008.900	1.576.008.900
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.717.149.200**	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.717.149.200	-
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.764.488.155**	**7.795.096.272**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	7.764.488.155	7.795.096.272
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**278.484.366.052**	**264.216.467.086**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		**155.829.340.562**	**147.366.238.331**
Nợ ngắn hạn	**310**		**121.755.753.188**	**105.237.716.207**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	37.130.931.692	20.753.328.383
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	15.283.428.782	14.017.747.688
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	789.787.571	1.435.341.789
Phải trả người lao động	314		2.594.784.231	7.119.201.815
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.630.247.583	1.544.806.349
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	273.084.900	537.129.938
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	60.421.912.850	55.952.940.979
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	3.631.575.579	3.877.219.266
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	**330**		**34.073.587.374**	**42.128.522.124**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	31.873.587.374	39.928.522.124
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.200.000.000	2.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		**122.655.025.490**	**116.850.228.755**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.18	**122.422.838.718**	**116.850.228.755**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.159.280.000	53.982.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.159.280.000	53.982.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		33.634.115.000	33.634.115.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.313.275.717	16.994.798.937
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.316.168.001	12.238.814.818
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.316.168.001	12.238.814.818
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**232.186.772**	-
Nguồn kinh phí	431		232.186.772	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**278.484.366.052**	**264.216.467.086**

TRẦN HOÀI PHƯƠNG	LÊ THỊ MỸ TIỀN	PHẠM QUANG BÌNH
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P - TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	6.1.1	**292.716.586.039**	**281.772.065.235**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.3	791.730.983	3.717.840.319
Doanh thu thuần	**10**		**291.924.855.056**	**278.054.224.916**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	**232.807.619.891**	**209.702.605.734**
Lợi nhuận gộp	**20**		**59.117.235.165**	**68.351.619.182**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	380.136.767	177.468.025
Chi phí tài chính	22	6.4	8.298.441.711	6.276.305.317
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*8.056.192.804*	*5.974.024.167*
Chi phí bán hàng	25	6.5	21.605.516.250	27.826.960.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.561.954.592	22.234.584.377
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**7.031.459.379**	**12.191.237.137**
Thu nhập khác	31	6.7	1.365.839.943	2.007.592.339
Chi phí khác	32	6.8	88.662.651	170.691.003
Lợi nhuận khác	**40**		**1.277.177.292**	**1.836.901.336**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**8.308.636.671**	**14.028.138.473**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.794.181.986	1.789.323.656
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**6.514.454.685**	**12.238.814.817**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.122	2.430

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P - TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

TRẦN HOÀI PHƯƠNG	LÊ THỊ MỸ TIÊN	PHẠM QUANG BÌNH
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**8.308.636.671**	**14.028.138.473**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.114.751.307	5.414.160.783
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(110.887.239)	(841.942.489)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		22.056.900	6.247.050
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(444.340.081)	(387.246.604)
Chi phí lãi vay	06		8.056.192.804	5.974.024.167
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***25.946.410.362***	***24.193.381.380***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.400.215.874)	21.777.832.401
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.312.172.095)	(16.175.372.461)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.311.980.902	(22.315.045.780)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		30.608.117	(15.674.294)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.296.445.342)	(5.733.771.629)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.476.858.311)	(1.911.404.751)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		414.800.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.370.101.637)	(1.777.934.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**3.848.006.122**	**(1.957.989.402)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.039.582.562)	(13.424.129.367)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		68.250.000	220.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		377.274.253	167.246.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(5.594.058.309)**	**(13.036.882.763)**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	37.506.115.000
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.2	109.112.501.795	131.109.821.953
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(112.698.464.674)	(166.828.837.852)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.615.424.579)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(3.585.962.879)**	**171.674.522**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(5.332.015.066)**	**(14.823.197.643)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**14.909.674.945**	**29.732.872.588**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	5.1	**9.577.659.879**	**14.909.674.945**

TRẦN HOÀI PHƯƠNG	LÊ THỊ MỸ TIÊN	PHẠM QUANG BÌNH
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ mười năm vào ngày 16 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công,...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 346 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 472 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 25 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị góp vốn thực tế của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong năm.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Việt Á	Cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.176.311.563	2.471.577.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	8.132.507.007	12.431.392.206
+ USD	268.841.309	6.705.227
	9.577.659.879	**14.909.674.945**

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ USD	11.524,61	268.841.309

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	3.978.214.533	4.374.983.028
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Thương Mại Và Đầu Tư Âu Lạc	3.690.024.214	4.086.914.085
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Quốc Tế Thiên Đan	6.180.655.076	5.177.479.249
Các khách hàng khác	45.580.976.021	30.956.820.697
	59.429.869.844	**44.596.197.059**

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Hưng Dương	235.701.400	-
Công ty TNHH Máy Dược Phẩm T&T	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Air Filtech	221.672.880	-
Công ty TNHH Cơ Khí và Xây Dựng Toàn Nhất	189.750.000	-
Công ty TNHH Huỳnh Phương	-	1.134.591.620
Các nhà cung cấp khác	67.817.171	336.830.879
	1.264.941.451	**1.471.422.499**

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Phải thu ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	499.434.318	-	511.182.088	-
Các đối tượng khác	8.477.440	-	62.100.000	-
	507.911.758	**-**	**573.282.088**	**-**

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu bán hàng	463.495.649	123.003.329	1.387.169.504	935.789.945

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND
Tại ngày 01/01/2019	(451.379.559)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	94.361.574
Xử lý xóa nợ trong năm	16.525.665
Tại ngày 31/12/2019	**(340.492.320)**

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.355.365.468	-	31.767.759.283	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.054.898.177	-	3.037.667.017	-
Thành phẩm	28.878.866.689	-	34.354.944.550	-
Hàng hóa	2.452.287.939	-	2.758.453.585	-
Hàng gửi đi bán	2.544.517.532	-	3.054.939.275	-
	87.285.935.805	**-**	**74.973.763.710**	**-**

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	48.657.137.871	73.096.428.913	38.917.772.585	160.671.339.369
Mua sắm trong năm	-	5.793.381.000	-	5.793.381.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(334.644.160)	-	(334.644.160)
Tại ngày 31/12/2019	48.657.137.871	78.555.165.753	38.917.772.585	**166.130.076.209**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	6.649.922.973	29.248.383.292	11.374.962.154	47.273.268.419
Khấu hao trong năm	1.221.243.055	6.682.853.162	2.210.655.090	10.114.751.307
Thanh lý, nhượng bán	-	(333.459.988)	-	(333.459.988)
Tại ngày 31/12/2019	7.871.166.028	35.597.776.466	13.585.617.244	**57.054.559.738**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	42.007.214.898	43.848.045.621	27.542.810.431	113.398.070.950
Tại ngày 31/12/2019	40.785.971.843	42.957.389.287	25.332.155.341	**109.075.516.471**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	705.215.172	17.240.127.129	6.451.184.484	24.396.526.785
Tại ngày 31/12/2019	705.215.172	17.246.393.250	6.451.184.484	**24.402.792.906**

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2019	32.882.479.401	39.399.047.130	26.269.788.174	98.551.314.705
Tại ngày 31/12/2019	31.928.670.366	34.192.418.988	25.332.155.343	**91.453.244.697**

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	1.576.008.900
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	**1.576.008.900**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2019	-
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2019	1.576.008.900
Tại ngày 31/12/2019	**1.576.008.900**

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2019	1.026.008.900
Tại ngày 31/12/2019	**1.026.008.900**

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Phát sinh trong năm VND	31/12/2019 VND
Mua sắm tài sản trong năm			
Máy dập viên	-	1.553.434.000	1.553.434.000
Bộ bàn gạt xoa động cơ	-	163.715.200	163.715.200
	-	**1.717.149.200**	**1.717.149.200**

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	7.467.934.590	7.703.096.272
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	44.000.000	92.000.000
Chi phí khác chờ phân bổ	252.553.565	-
	7.764.488.155	**7.795.096.272**

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	1.310.797.199	1.187.659.362
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	6.924.168.000	-
APC Pharmaceuticals and Chemical Limited	4.683.168.000	1.080.660.000
Các nhà cung cấp khác	24.212.798.493	18.485.009.021
	37.130.931.692	**20.753.328.383**

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước của các bên liên quan		
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	142.105.000	142.105.000
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Anpha	3.620.808.236	3.785.785.216
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Nam Phương	101.582.906	1.646.656.000
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Quốc Tế Thiên Đan	1.895.309.454	738.031.482
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Agimexpharm	686.845.322	2.543.543.940
Công ty Dược Phẩm Vian	2.156.370.686	1.723.935.540
Công ty TNHH Dược Phẩm Tâm Minh	2.255.754.088	397.033.581
Các khách hàng khác	4.424.653.090	3.040.656.929
	15.283.428.782	**14.017.747.688**

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phát sinh trong năm		31/12/2019
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.279.745	49.688.936	(50.805.954)	2.162.727
Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.012.043	(25.012.043)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.174.960.282	1.794.181.986	(2.476.858.311)	492.283.957
Thuế thu nhập cá nhân	257.101.762	895.272.179	(857.033.054)	295.340.887
Tiền thuê đất	-	276.719.211	(276.719.211)	-
Các khoản khác	-	90.662.651	(90.662.651)	-
	1.435.341.789	**3.131.537.006**	**(3.777.091.224)**	**789.787.571**

Thuế giá trị gia tăng:
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2019 VND	2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.308.636.671	14.028.138.473
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.151.174.757	277.135.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.459.811.428	14.305.273.473
- Thu nhập được ưu đãi thuế	3.781.732.250	-
- Thu nhập không được ưu đãi thuế	7.678.079.178	14.305.273.473
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất được ưu đãi	0%	10%
- Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	**1.535.615.836**	**2.861.054.695**
Điều chỉnh thuế TNDN những năm trước chuyển sang	258.566.150	(1.071.731.039)
Tổng thuế TNDN phải nộp	**1.794.181.986**	**1.789.323.656**

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trích trước chi phí bán hàng	1.630.247.583	1.544.806.349

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	210.000.000	239.993.000
Quỹ khoa học công nghệ - phải trả lãi vay	-	240.252.538
Phải trả tiền cổ tức	56.284.900	56.484.400
Phải trả ngắn hạn khác	6.800.000	400.000
	273.084.900	**537.129.938**

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn BIDV	18.866.632.498	18.866.632.498	2.427.357.134	2.427.357.134
Vay ngắn hạn nhân viên	31.332.345.602	31.332.345.602	42.840.149.655	42.840.149.655
Vay dài hạn đến hạn trả	10.222.934.750	10.222.934.750	10.685.434.190	10.685.434.190
	60.421.912.850	**60.421.912.850**	**55.952.940.979**	**55.952.940.979**

Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Hạn mức vay	Kỳ hạn	Lãi suất	31/12/2019
	VND		(%/năm)	VND
Vay ngắn hạn BIDV	95.000.000.000	6 tháng	6,50%	18.866.632.498
Vay cá nhân	Theo hợp đồng	12 tháng	6,50%	31.332.345.602
				50.198.978.100

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngân hàng	Vay nhân viên Công ty	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	2.427.357.134	42.840.149.655	10.685.434.190	55.952.940.979
Số tiền vay trong năm	98.409.604.982	4.050.896.813	-	102.460.501.795
Số tiền vay đã trả trong năm	(81.970.329.618)	(15.558.700.866)	(10.685.434.190)	(108.214.464.674)
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	10.222.934.750	10.222.934.750
Tại ngày 31/12/2019	**18.866.632.498**	**31.332.345.602**	**10.222.934.750**	**60.421.912.850**

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Quỹ khoa học công nghệ	4.000.000.000	4.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng An Bình	33.050.000	33.050.000	256.420.750	256.420.750
Ngân hàng BIDV	19.019.375.054	19.019.375.054	27.463.375.054	27.463.375.054
Ngân hàng MB	1.959.783.000	1.959.783.000	3.253.347.000	3.253.347.000
Ngân hàng Vietcombank	6.861.379.320	6.861.379.320	2.955.379.320	2.955.379.320
	31.873.587.374	**31.873.587.374**	**39.928.522.124**	**39.928.522.124**

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	31/12/2019 VND
Quỹ khoa học công nghệ	5 năm	4,28%	Mua tài sản cố định	4.000.000.000
Ngân hàng An Bình	3 năm	11,70%	Mua tài sản cố định	33.050.000
Ngân hàng BIDV	7 năm	11,20%	Mua tài sản cố định	19.019.375.054
Ngân hàng MB	5 năm	10% - 10,3%	Mua tài sản cố định	1.959.783.000
Ngân hàng Vietcombank	5 năm	7,6% - 10%	Mua tài sản cố định	6.861.379.320
				31.873.587.374

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Vay ngân hàng VND	Vay tổ chức khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	33.928.522.124	6.000.000.000	39.928.522.124
Số tiền vay trong năm	6.652.000.000	-	6.652.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.484.000.000)	-	(4.484.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ đến hạn trả	(8.222.934.750)	(2.000.000.000)	(10.222.934.750)
Tại ngày 31/12/2019	**27.873.587.374**	**4.000.000.000**	**31.873.587.374**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn

	Tổng nợ VND	Từ dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2019			
Vay ngân hàng	36.096.522.124	8.222.934.750	27.873.587.374
Quỹ khoa học công nghệ	6.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000
	42.096.522.124	**10.222.934.750**	**31.873.587.374**
Tại ngày 01/01/2019			
Vay ngân hàng	42.613.956.314	8.685.434.190	33.928.522.124
Quỹ khoa học công nghệ	8.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000
	50.613.956.314	**10.685.434.190**	**39.928.522.124**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại các ngân hàng được đảm bảo bằng hình thức thế chấp giá trị tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình của Công ty (xem thuyết minh 5.7, và 5.8).

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2019 VND	2018 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.877.219.266	5.655.153.534
Trích quỹ trong năm	941.844.722	-
Sử dụng quỹ	(1.187.488.409)	(1.777.934.268)
Tại ngày 31 tháng 12	**3.631.575.579**	**3.877.219.266**

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	33.982.500.000	16.128.000.000	15.386.785.842	3.225.734.076	-	68.723.019.918
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	17.506.115.000	-	-	-	37.506.115.000
Lãi năm 2018	-	-	-	12.238.814.817	-	12.238.814.817
Trích lập quỹ	-	-	1.608.013.095	(1.608.013.095)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(1.617.720.980)	-	(1.617.720.980)
Tại ngày 31/12/2018	**53.982.500.000**	**33.634.115.000**	**16.994.798.937**	**12.238.814.818**	**-**	**116.850.228.755**
Tại ngày 01/01/2019	53.982.500.000	33.634.115.000	16.994.798.937	12.238.814.818	-	116.850.228.755
Tăng vốn trong năm	9.176.780.000	-	-	(9.176.780.000)	-	-
Lãi năm 2019	-	-	-	6.514.454.685	-	6.514.454.685
Trích lập quỹ	-	-	2.318.476.780	(2.318.476.780)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(941.844.722)	-	(941.844.722)
Nhận vốn từ ngân sách cấp	-	-	-	-	414.800.000	414.800.000
Sử dụng kinh phí sự nghiệp	-	-	-	-	(182.613.228)	(182.613.228)
Tại ngày 31/12/2019	**63.159.280.000**	**33.634.115.000**	**19.313.275.717**	**6.316.168.001**	**232.186.772**	**122.655.025.490**

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	17.929.300.000	28,39%	14.542.800.000	26,94%
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	14.495.010.000	22,95%	12.388.900.000	22,95%
Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy	15.414.510.000	24,41%	12.874.800.000	23,85%
Các cổ đông khác	15.320.460.000	24,26%	14.176.000.000	26,26%
	63.159.280.000	**100%**	**53.982.500.000**	**100%**

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.315.928	5.398.250
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.315.928	5.398.250
- Cổ phiếu ưu đãi		-
	6.315.928	**5.398.250**
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.315.928	5.398.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	6.315.928	**5.398.250**

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.176.780.000
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2018	2.318.476.780
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	743.318.037
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	198.526.685
	12.437.101.502

5.19 Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	11.524,61	329,42

5.20 Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	Không thu hồi được	2.703.476.098	2.795.836.315

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	292.716.586.039	281.772.065.235

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh 9.2

6.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Hàng bán bị trả lại	791.730.983	3.717.840.319

6.2 Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn từ bán hàng	232.807.619.891	209.702.605.734

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	377.274.253	167.246.604
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.862.514	10.221.421
	380.136.767	**177.468.025**

6.4 Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	8.056.192.804	5.974.024.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá	220.192.007	296.034.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.056.900	6.247.050
	8.298.441.711	**6.276.305.317**

6.5 Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.120.073.330	8.295.100.298
Chi phí bán hàng khác	15.485.442.920	19.531.860.078
	21.605.516.250	**27.826.960.376**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.436.251.004	12.029.692.237
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.125.703.588	10.204.892.140
	22.561.954.592	**22.234.584.377**

6.7 Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	67.065.828	220.000.000
Trong đó:		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	*68.250.000*	*220.000.000*
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	*(1.184.172)*	-
Tiền hỗ trợ bán hàng, chiết khấu được hưởng	509.633.161	1.362.447.033
Thu nhập khác	789.140.954	425.145.306
	1.365.839.943	**2.007.592.339**

6.8 Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	70.662.651	170.691.003
Chi phí khác	18.000.000	-
	88.662.651	**170.691.003**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.819.252.769	171.297.589.712
Chi phí nhân công	33.404.648.058	28.957.455.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.114.751.307	5.414.160.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.141.515.997	15.248.574.774
Chi phí khác	9.721.376.493	19.340.312.378
	254.201.544.624	**240.258.092.757**

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.514.454.685	12.238.814.817
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(198.526.685)	(743.318.037)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.315.928.000	11.495.496.780
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(cổ phiếu)	5.627.670	4.731.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**1.122**	**2.430**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2019	2018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.398.250	3.398.250
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 04 năm 2018 từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	1.333.333
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 09 năm 2019 từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	229.420	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**5.627.670**	**4.731.583**

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

	2019 VND	2018 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.176.780.000	-

7.2 Tiền thu từ đi vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	109.112.501.795	131.109.821.953

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	112.698.464.674	166.828.837.852

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	60.421.912.850	31.873.587.374	92.295.500.224
Phải trả người bán	37.130.931.692	-	37.130.931.692
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.903.332.483	-	1.903.332.483
	99.456.177.025	**31.873.587.374**	**131.329.764.399**
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	55.952.940.979	39.928.522.124	95.881.463.103
Phải trả người bán	20.753.328.383	-	20.753.328.383
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.081.936.287	-	2.081.936.287
	78.788.205.649	**39.928.522.124**	**118.716.727.773**

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng giá trị tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 (xem tại thuyết minh số 5.7 và 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	59.089.377.524	44.144.817.500	59.089.377.524	44.144.817.500
Các khoản phải thu khác	507.911.758	573.282.088	507.911.758	573.282.088
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.577.659.879	14.909.674.945	9.577.659.879	14.909.674.945
	69.174.949.161	**59.627.774.533**	**69.174.949.161**	**59.627.774.533**
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	92.295.500.224	95.881.463.103	92.295.500.224	95.881.463.103
Phải trả người bán	37.130.931.692	20.753.328.383	37.130.931.692	20.753.328.383
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.903.332.483	2.081.936.287	1.903.332.483	2.081.936.287
	131.329.764.399	**118.716.727.773**	**131.329.764.399**	**118.716.727.773**

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019 VND	2018 VND
Lương	2.422.005.540	2.402.823.375
Thù lao và các khoản khác	754.500.000	1.739.244.097
	3.176.505.540	**4.142.067.472**

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2019 VND	2018 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	Bán hàng / dịch vụ	35.480.237.544	39.114.592.891
	Mua hàng / dịch vụ	5.232.598.680	4.529.969.971

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	Phải thu bán hàng	3.978.214.533	4.374.983.028
	Phải trả mua hàng	1.310.797.199	1.187.659.362
	Người mua trả trước	142.105.000	142.105.000

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo các bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.4 Số liệu so sánh

Công ty trình bày lại khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Công ty xác định lại chỉ tiêu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.267	163	2.430

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.

TRẦN HOÀI PHƯƠNG	LÊ THỊ MỸ TIÊN	PHẠM QUANG BÌNH
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

TIPHARCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Tiền Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

DS. Phạm Quang Bình